

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 30-12-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Linh

2. Bà Lò Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: ông Lò Văn Lâm - Thư ký Toà án nhân dân Thị xã M, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã M, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã M, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DSTC ngày 07 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Giàng A D, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn Sín Ch, xã Sín Ch, huyện Tủa Ch, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Chị Giàng Thị Nh, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số nhà 11, tổ dân phố 14, Phường Mường Th, Thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Bản HL2, xã Lay Nưa, Thị xã M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Mùa A Ch, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn Sín Ch, xã Sín Ch, huyện Tủa Ch, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Sùng A V, sinh năm 1964. Địa chỉ: Bản Séo Phình, xã Tả Phìn, huyện Tủa Ch, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

4.2. Anh Sùng A M, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản NP3, xã Mường N, huyện Mường N, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

4.3. Anh Sùng A C, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản NP3, xã Mường N, huyện Mường N, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2024 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn Giàng A D trình bày:

Ngày 06/09/2021, anh D cho chị Lò Thị L vay số tiền 110.000.000 (Một trăm mười triệu đồng), có giấy vay tiền, có người làm chứng gồm ông Sùng A V, anh Sùng A M và anh Sùng A C; thời hạn cho vay là 01 tuần kể từ 06/09/2021. Anh D, chị L thoả thuận nếu quá thời hạn mà chị L không trả tiền gốc thì phải chịu lãi suất vay là 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng. Đến hạn trả nợ, từ ngày 13/9/2021 đến nay anh D đòi nhiều lần nhưng chị L không trả. Vì vậy, anh D làm đơn đề nghị Toà án giải quyết buộc chị L trả cho anh số tiền nợ gốc là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 13/7/2024 là 34.000.000 (Ba mươi tư triệu) đồng.

Trong Bản tự khai đề ngày 26/4/2024 chị Lò Thị L trình bày:

Khoảng cuối tháng 8/2021 qua người phụ nữ tên Điều Thị Đ giới thiệu nên chị L đã cùng tham gia buôn bán váy thổ cẩm chung với nhóm gồm: Sùng A V, Sùng A M, Sùng A C, Điều Thị Đ, Giàng A D. Tuy nhiên do chị L không có tiền để góp vốn để nhập hàng nên chị L đã ký vào giấy vay tiền ngày 06/09/2021, số tiền theo chị L là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, mục đích ký giấy vay tiền là để tạo sự tin tưởng và có cơ sở chia lợi nhuận sau khi bán hàng chứ chị L chưa nhận khoản tiền nào từ anh D. Chị L cho biết chị cũng không nhận được số hàng hoá tương ứng với khoản tiền ký góp vốn nên không đồng ý trả số tiền trên.

Trong Bản tự khai đề ngày 28/5/2024 người làm chứng Sùng A Minh trình bày: Ngày 06/09/2021 anh Giàng A D có cho chị Lò Thị L vay số tiền 110.000.000 đồng trong thời hạn 01 tuần, nếu quá thời hạn này thì phải trả lãi 1.000.000 đồng/tháng. Chính anh Sùng A M là người lập giấy vay tiền cho anh D, chị L. Sau khi lập giấy vay tiền xong anh D nhờ người nhà chuyển tiền vào tài khoản cho chị L 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) và chị L cũng xác nhận là đã nhận được. Còn 10.000.000 (Mười triệu) đồng thì anh D đưa tiền mặt cho chị L. Việc vay tiền giữa anh D, chị L có 03 người làm chứng là anh M, ông V và anh C, ngoài ra không có người nào khác làm chứng. Anh M, ông V có ký xác nhận người làm chứng vào giấy vay tiền giữa anh D, chị L.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 17/07/2024 của Toà án nhân dân huyện Tủa Ch, tỉnh Điện Biên được uỷ thác thu thập, ông Sùng A V trình bày: Việc thoả thuận vay tiền giữa anh D và chị L vào ngày 06/09/2021 là đúng như trình bày của anh D.

Việc vay tiền do hai bên thoả thuận với nhau, do anh M viết giấy hộ và nhờ ông V ký xác nhận làm chứng, mục đích vay tiền để buôn bán vẩy thổ cẩm dân tộc. Sau khi ký giấy vay tiền thì chị L đã nhận 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng thông qua chuyển khoản, còn số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng thì anh D đưa tiền mặt. Khi vay tiền có 03 người làm chứng gồm V, M, C ngoài ra không có ai khác, ông V có ký xác nhận vào người làm chứng.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 19/07/2024 của Toà án nhân dân huyện Mường N, tỉnh Điện Biên được uỷ thác thu thập, anh Sùng A C trình bày: Việc thoả thuận vay tiền giữa anh D và chị L vào ngày 06/09/2021 là đúng như trình bày của anh D. Việc vay tiền do hai bên thoả thuận với nhau và nhờ anh M lập giấy vay, có anh M và ông V ký xác nhận làm chứng, mục đích vay tiền để buôn bán vẩy thổ cẩm dân tộc. Sau khi ký giấy vay tiền thì chị L đã nhận 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng thông qua chuyển khoản, còn 10.000.000 (Mười triệu) đồng thì đưa tiền mặt. Khi vay tiền có 03 người làm chứng gồm V, M, C ngoài ra không có ai khác.

Trong bản trình bày ý kiến ngày 21/5/2024 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mùa A Ch trình bày: Ngày 06/9/2021 anh Giàng A D có gọi điện cho tôi nhờ chuyển tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng cho chị L vay, số tài khoản người nhận là: 8902205021458 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thị xã M, tỉnh Điện Biên. Tôi đã chuyển tiền vào tài khoản theo như đề nghị của anh D và sau đó anh D cũng đã trả số tiền này cho tôi. Do đó tôi không có ý kiến, yêu cầu gì về quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:

Ngày 21/05/2024 anh Giàng A D giao nộp Chứng từ giao dịch chuyển khoản ngày 06/09/2021 vào số tài khoản của chị Lò Thị L số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Ngày 22/7/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh số tài khoản 8902205021458 của chị Lò Thị L tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thị xã M, tỉnh Điện Biên, kết quả xác minh: Số tài khoản nêu trên của chị Lò Thị L hiện vẫn đang hoạt động, sử dụng bình thường, ngày 06/09/2021 có nhận đã nhận chuyển khoản 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng từ ông Mùa A Ch.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hoà giải chị L có mặt nhưng không đồng ý ký vào các biên bản làm việc. Chị L không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì khác; không yêu cầu triệu tập người làm chứng, không yêu cầu phản tố. Toà án đã lập biên bản ghi nhận sự việc chị L trình bày ý kiến nhưng không đồng ý ký vào các biên bản.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn Giàng A D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Lò Thị L phải trả tiền theo hợp đồng vay tiền đã thoả thuận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Giàng Thị Nh trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và những lời trình bày của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan buộc chị Lò Thị L phải trả 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.566.000 (Ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Và tiếp tục trả lãi theo thoả thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền gốc đã vay.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thị xã M phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh D, buộc chị L phải trả cho anh D số tiền nợ gốc là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng; Lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.566.000 đồng, chị L phải chịu 7.328.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Anh D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L trả cho anh số tiền nợ gốc là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng, và tiền lãi kể từ ngày 13/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng; đây là vụ án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị L có nơi cư trú tại Bản HL2, xã Lay Nura, Thị xã M, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thị xã M theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Các vấn đề khác: Bị đơn chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228/BLTTDS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mùa A Ch và những người làm chứng Sùng A Minh, Sùng A V, Sùng A C đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 229 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết bị đơn Lò Thị L thừa nhận đã ký vào giấy vay tiền nhưng cho rằng chưa nhận bất cứ khoản tiền nào từ nguyên đơn tuy nhiên không

cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bị đơn không đồng ý trả tiền gốc, lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 06/09/2021 có chữ ký của hai bên, có xác nhận người làm chứng, khi xác lập hai bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự; căn cứ lời khai của anh Giàng A D; lời khai của những người làm chứng Sùng A M, Sùng A V, Sùng A C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Mùa A Ch và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định: Ngày 06/09/2021, chị L có vay của anh D số tiền 110.000.000 đồng; thời hạn vay là 01 tuần không tính lãi suất, quá thời hạn này thì tính lãi suất theo thỏa thuận là 1.000.000 đồng/tháng (tương đương khoảng 10,9%/năm). Chị L đã được nhận đủ số tiền 110.000.000 đồng. Đến nay chị L chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho anh D. Anh D khởi kiện buộc chị L phải trả 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.566.000 (Ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 117 và Điều 463 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 xác định Hợp đồng vay tài sản giữa anh D và chị L có hiệu lực kể từ ngày ký kết, ngày 06/09/2021. Do chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền vay theo thỏa thuận nên anh D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L phải trả cho anh 110.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Giàng A D được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ khoản 1 Điều 147/BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 7.328.000 đồng ($146.566.000 \times 5\% = 7.328.000đ$)

[4] Xét ý kiến và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thị xã M tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 229; Điều 271 và Điều 273/BLTTDS năm 2015.

- Điều 117; khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468/BLDS năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Lò Thị L phải trả cho anh Giàng A D số tiền gốc đã vay là 110.000.000 (Một trăm mười triệu đồng) và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.566.000 (Ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu: 7.328.000 (Bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (chị Liên chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch).

3. Về quyền kháng cáo: Anh Giàng A D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/12/2024). Ông Mùa A Ch, Chị Lò Thị L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Thị xã M;
- Chi cục THADS Thị xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đao Thị Bích Thảo

